

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/12

D71-108

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/12/2023

Phòng thi: D71-108

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622002	Nguyễn Thanh An	02/11/2004	Nam	10.0	6,8	8.4	01	<u>AN</u>		
2	115622004	Huỳnh Phương Anh	01/01/2004	Nữ	9.8	7,0	8.4	01	<u>ANH</u>		
3	115622005	Nguyễn Việt Anh	24/01/2004	Nam	8.3	3,5	5.9	01	<u>ANH</u>		
4	115622008	Nguyễn Thị Trúc Băng	28/09/2003	Nữ	8.5	4,8	6.7	04	<u>ANNG</u>		
5	115622009	Mai Băng Vy	22/05/2004	Nam	8.5	7,5	8.0	05	<u>VB</u>		
6	115622010	Nguyễn Công Bình	29/03/2004	Nam	9.8	7,0	8.4	06	<u>BINH</u>		
7	115622011	Nguyễn Hữu Bình	25/04/2004	Nam	8.8	5,5	7.2	07	<u>BINH</u>		
8	115622014	Nguyễn Thị Thu Cúc	01/01/2004	Nữ	9.3	6,0	7.7	08	<u>THU</u>		
9	115622015	Danh Mạnh Đình	30/11/2003	Nam	8.5	4,8	6.7	09	<u>DANH</u>		
10	115622017	Trần Thành Được	19/04/2004	Nam	8.8	4,8	6.8	10	<u>DUY</u>		
11	115622018	Nguyễn Đức Duy	02/07/2004	Nam	8.5	5,5	7.0	11	<u>DUY</u>		
12	115622019	Trần Nhật Duy	22/05/2004	Nam	9.3	6,0	7.7	12	<u>DUY</u>		
13	115622020	Trịnh Tấn Duy	06/07/2004	Nam	8.8	5,5	7.2	13	<u>DUY</u>		
14	115622021	Dương Ngọc Hân	28/08/2004	Nữ	8.3	5,5	6.9	14	<u>HAN</u>		
15	115622022	Trương Ngọc Gia Hân	13/04/2003	Nữ	8.8	4,8	6.8	15	<u>HA</u>		
16	115622023	Nguyễn Phú Hào	08/10/2004	Nam	8.5	5,3	6.9	16	<u>HAO</u>		
17	115622024	Trần Trung Hậu	20/09/2004	Nam	10.0	6,5	8.3	17	<u>HAU</u>		
18	115622025	Bùi Mỹ Hiền	21/06/2004	Nữ	9.3	6,0	7.7	18	<u>HIEN</u>		
19	115622026	Nguyễn Diệu Hiền	26/10/2004	Nữ	8.5	5,8	7.2	19	<u>HIEN</u>		
20	115622027	Lê Nguyễn Vinh Hiền	22/05/2004	Nam	8.8	4,5	6.7	20	<u>HIEN</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: anh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/12

D71.109

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.109

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115622028	Nguyễn Anh	Hoài	Nam	8.5	6,0	7.3	001	<u>Ch</u>		
2	115622029	Châu Thị Ngọc	Hưng	Nữ	10.0	5,8	7.9	002	<u>Ch</u>		
3	115622030	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	9.3	4,5	6.9	003	<u>Ch</u>		
4	115622031	Huỳnh Gia	Huy	Nam	9.5	4,8	7.2	004	<u>Ch</u>		
5	115622033	Nguyễn Quang	Huy	Nam	8.5	6,0	7.3	005	<u>Ch</u>		
6	115622034	Nguyễn Trần Đức	Huy	Nam	9.0	5,3	7.2	006	<u>Ch</u>		
7	115622035	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	8.5	5,8	7.2	007	<u>Ch</u>		
8	115622036	Lê Minh	Kha	Nam	10.0	6,0	8.0	008	<u>Ch</u>		
9	115622037	Nguyễn Minh	Kha	Nam	9.0	5,8	7.4	009	<u>Ch</u>		
10	115622038	Lâm	Khang	Nam	8.8	5,0	6.9	010	<u>Ch</u>		
11	115622039	Nguyễn Trường	Khang	Nam	9.5	6,5	8.0	011	<u>Ch</u>		
12	115622040	Trương Minh	Khang	Nam	8.8	4,3	6.6	012	<u>Ch</u>		
13	115622043	Mai Trung	Kiên	Nam	9.5	4,0	6.8	013	<u>Ch</u>		
14	115622087	Huỳnh Thị Hồng	Thơ	Nữ	8.8	5,5	7.2	014	<u>Ch</u>		
15	115622088	Diệp Thị Ngọc	Thu	Nữ	9.0	6,3	7.7	015	<u>Ch</u>		
16	115622090	Cao Anh	Thư	Nữ	8.5	6,3	7.4	016	<u>Ch</u>		
17	115622091	Huỳnh Lê Bảo	Thư	Nữ	8.5	6,0	7.3	017	<u>Ch</u>		
18	115622093	Nguyễn Võ Minh	Thư	Nữ	8.5	6,3	7.4	018	<u>Ch</u>		
19	115622094	Nguyễn Bích	Thuận	Nữ	9.8	7,0	8.4	019	<u>Ch</u>		
20	115622096	Cao Huỳnh Thùy	Tiên	Nữ	8.0	7,0	7.5	020	<u>Ch</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Uau Cao Dương phương lan

Cán bộ kiểm tra: Ch

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	115622097	Nguyễn Đỗ Thủy Tiên	28/01/2004	Nữ	8.0	8,8	8.4	1			
2	115622098	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	13/03/2003	Nữ	10.0	9,5	9.8	2			
3	115622099	Lưu Chí Tín	25/03/2004	Nam	9.0	9,3	9.2	3			
4	115622100	Lê Thị Bích Trâm	18/07/2004	Nữ	9.5	9,0	9.3	4			
5	115622102	Lê Nhã Trân	02/01/2004	Nữ	8.5	9,0	8.8	5			
6	115622104	Nguyễn Ngọc Quế Trân	29/03/2004	Nữ	9.5	4,8	7.2	6			
7	115622106	Nguyễn Thị Bảo Trân	12/08/2004	Nữ	8.5	6,0	7.3	7			
8	115622107	Đặng Quế Trang	28/08/2004	Nữ	9.5	6,3	7.9	8			
9	115622108	Lê Thị Trang	03/07/2003	Nữ	8.8	4,0	6.4	9			
10	115622130	Hoàng Văn Bảo	25/01/2003	Nam	8.5	4,5	6.5	10			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
8 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622044	Trương Tấn Kiệt	03/01/2004	Nam	9.8	6.0	7.9	01	<u>Janh</u>		
2	115622045	Lâm Thị Lệ Kiều	02/09/2004	Nữ	8.8	5.5	7.2	2	<u>Thi</u>		
3	115622047	Nguyễn Phước Lộc	28/03/2004	Nam	9.0	4.5	6.8	3	<u>Thi</u>		
4	115622048	Nguyễn Duy Luân	16/06/2004	Nam	8.8	7.5	8.2	4	<u>Thi</u>		
5	115622052	Nguyễn Trường Ngân	31/07/2004	Nam	8.5	6.5	7.5	5	<u>Ngan</u>		
6	115622054	Trần Thị Kim Ngân	19/02/2004	Nữ	9.5	6.8	8.3	6	<u>Ngan</u>		
7	115622055	Nguyễn Châu Thảo Nghi	04/06/2004	Nữ	8.8	5.8	7.3	7	<u>Thi</u>		
8	115622056	Võ Thị Hồng Nghi	24/08/2004	Nữ	8.8	7.0	7.9	8	<u>Thi</u>		
9	115622057	Lê Minh Nghĩa	05/02/2004	Nam	8.8	4.5	6.7	9	<u>Thi</u>		
10	115622058	Sơn Mến Nghĩa	12/01/2004	Nam	8.5	5.3	6.9	10	<u>Thi</u>		
11	115622059	Tiêu Yến Ngọc	02/07/2004	Nữ	8.0	4.3	6.2	11	<u>Thi</u>		
12	115622060	Trần Châu Hồng Ngọc	17/01/2004	Nữ	8.8	5.8	7.3	12	<u>Thi</u>		
13	115622062	Mai Nguyễn Thảo Nguyên	23/05/2004	Nữ	8.8	6.0	7.4	13	<u>Thi</u>		
14	115622063	Lê Uyên Nhi	28/01/2004	Nữ	8.8	8.3	8.6	14	<u>Thi</u>		
15	115622064	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/09/2004	Nữ	9.0	4.0	6.5	15	<u>Thi</u>		
16	115622068	Lê Nguyễn Mỹ Như	21/03/2000	Nữ	8.0	6.5	7.3	16	<u>Thi</u>		
17	115622071	Trần Thiên Phúc	08/01/2004	Nam	9.0	6.3	7.7	17	<u>Thi</u>		
18	115622073	Dương Bùi Phú Quý	06/03/2004	Nam	8.5	6.0	7.3	18	<u>Thi</u>		
19	115622075	Bùi Thị Phương Quyên	23/04/2004	Nữ	8.5	7.8	8.2	19	<u>Thi</u>		
20	115622076	Ngô Chí Tâm	09/09/2004	Nam	8.8	/	/	/	<u>Thi</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: ĐHL Đặng Sơn Hậu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thi Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Thi

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/12

D71-111

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71-111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622077	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/04/2004	Nữ	8.8	8.0	8.4	301			
2	115622078	Võ Nguyễn Nhật Tân	15/12/2004	Nam	9.5	5.5	7.5	302			
3	115622079	Lý Chính Thắng	22/02/2004	Nam	9.3	4.8	7.1	303			
4	115622082	Trương Công Diệu Thiên	27/04/2004	Nữ	9.3	3.8	6.6	304			
5	115622084	Quách Thu Thảo	16/10/2001	Nữ	8.5	6.3	7.4	305			
6	115622085	Nguyễn Xuân Thi	01/01/2004	Nữ	8.5	5.5	7.0	306			
7	115622086	Bùi Phương Anh Thơ	11/09/2004	Nữ	8.5	5.5	7.0	307			
8	115622111	Nguyễn Phú Trọng	02/08/2004	Nam	8.5	5.3	6.9	308			
9	115622112	Trần Thị Thanh Trước	27/06/2004	Nữ	8.8	6.5	7.7	309			
10	115622114	Lê Thị Diễm Tường	31/07/2004	Nữ	8.5	4.5	6.5	010			
11	115622116	Lê Ngọc Phương Uyên	25/05/2004	Nữ	8.3	5.3	6.8	011			
12	115622117	Phạm Trần Trâm Uyên	06/05/2004	Nữ	8.5	4.8	6.7	012			
13	115622120	Nguyễn Thế Vĩ	24/09/2004	Nam	8.5	7.3	7.9	013			
14	115622121	Mai Nguyễn Minh Vinh	05/09/2004	Nam	8.5	5.3	6.9	014			
15	115622122	Phan Đặng Hữu Vinh	06/09/2004	Nam	8.5	4.8	6.7	015			
16	115622123	Lê Quốc Vui	29/08/2004	Nam	8.8	3.3	6.1	016			
17	115622125	Thạch Nguyễn Tường Vy	24/09/2004	Nữ	8.5	5.0	6.8	017			
18	115622126	Tô Minh Y	23/09/2004	Nam	8.5	5.0	6.8	018			
19	115622129	Tổng Minh Hiền	10/01/2004	Nam	8.5	4.8	6.7	019			
20	115622132	Thạch Thị Khá	15/01/2003	Nữ	8.5	4.5	6.5	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20.

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20.

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20.

Tổng số tờ: 20.

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/12

071.112

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/12/2023

Phòng thi: 071.112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22QLTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117822001	Huỳnh Bảo An	11/01/2004	Nam	5.8	3,3	4.6	001	<u>BA</u>		
2	117822002	Võ Trường An	14/11/2004	Nam	6.8	3,8	5.3	002	<u>An</u>		
3	117822003	Kim Hoàng Ân	27/04/2002	Nam	—	—	—	—	<u>Kim</u>		
4	117822004	Nguyễn Thị Vân Anh	19/04/2004	Nữ	7.3	3,8	5.6	004	<u>TC</u>		
5	117822006	Sơn Phúc Toàn	23/03/2004	Nam	7.8	3,8	5.8	005	<u>Phúc</u>		
6	117822007	Lưu Ngọc Bảo	01/02/2003	Nam	6.5	3,8	5.2	006	<u>Ba</u>		
7	117822008	Nguyễn Phạm Thái Bảo	21/09/2004	Nam	5.5	2,0	3.8	007	<u>Phạm</u>		
8	117822010	Thạch Chiến	15/05/2003	Nam	6.0	3,5	4.8	008	<u>Thạch</u>		
9	117822011	Nguyễn Minh Hiếu	19/12/2004	Nam	6.8	4,0	5.4	009	<u>Minh</u>		
10	117822012	Nguyễn Lâm Hùng	13/11/2004	Nam	6.5	4,3	5.4	010	<u>Hùng</u>		
11	117822013	Đỗ Quốc Huy	02/08/2003	Nam	6.0	4,5	5.3	011	<u>Quốc</u>		
12	117822014	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	24/09/2002	Nam	4.5	4,0	4.3	012	<u>Huỳnh</u>		
13	117822015	Trà Công Lực	03/05/2003	Nam	5.5	4,8	5.2	013	<u>Trà</u>		
14	117822016	Lâm Thanh Ngân	02/12/2003	Nữ	7.8	5,3	6.6	014	<u>Thanh</u>		
15	117822017	Thái Bình Ninh	22/10/2000	Nam	6.5	3,5	5.0	015	<u>Thái</u>		
16	117822018	Nguyễn Tấn Phúc	06/06/2004	Nam	6.0	2,8	4.4	016	<u>Nguyễn</u>		
17	117822019	Huỳnh Hữu Tài	27/04/2003	Nam	5.3	2,5	3.9	017	<u>Huỳnh</u>		
18	117822020	Sơn Ngọc Tâm	06/06/2001	Nam	—	—	—	—	<u>Sơn</u>		
19	117822021	Trần Quốc Thịnh	09/02/2004	Nam	7.8	3,5	5.7	019	<u>Trần</u>		
20	117822024	Trương Thị Ánh Tuyết	10/09/2004	Nữ	7.8	4,8	6.3	020	<u>Trương</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/2

D71.113

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22QLTD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117822025	Phạm Quốc Vương	05/11/2004	Nam	6.0	4,5	5.3	11	Nung		
2	117822026	Trần Tấn Đạt	10/08/2003	Nam	5.5	4,5	5.0	12	Đạt		
3	117822028	Hứa Khắc Nhật	17/10/2003	Nam	6.3	4,5	5.4	13	Nhật		
4	117822029	Sơn Thị Rà Ni	26/10/2003	Nữ	7.3	4,3	5.8	14	Rà		
5	117822030	Phạm Bình Phát	03/04/2003	Nam	5.5	4,5	5.0	15	Phát		
6	117822034	Huỳnh Thị Yến Thư	30/03/2004	Nữ	6.0	3,5	4.8	16	Thư		
7	117822035	Trần Thị Thanh Trúc	10/01/2004	Nữ	6.0	4,3	5.2	17	Thư		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

21/12
1781.114

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22KT(CO-OP)

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 12 / 2023

Phòng thi: DTL 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922065	Sơn Thị Trúc	Ngân	02/01/2004	Nữ	8.5	4.8	6.7	1	<u>4</u>	
2	111922074	Trần Thị Ngọc	Nhi	05/02/2004	Nữ	8.0	5.3	6.7	2	<u>10</u>	
3	111922085	Thạch Thị Sà	Phia	12/12/2004	Nữ	8.0	3.5	5.8	3	<u>Phia</u>	
4	111922092	Tô Thị Thanh	Thảo	11/10/2004	Nữ	8.5	4.5	6.5	4	<u>Thảo</u>	
5	111922105	Lê Thị Huyền	Trần	13/12/2004	Nữ	8.5	4.0	6.3	5	<u>my</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Leu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 12 / 2023Phòng thi: DTL 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Gh chỉ
1	111922118	Nguyễn Triệu Thúy Vy	24/04/2004	Nữ	8.5	2.0	5.3	6	<u>vy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Laat Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: LaatNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22SNV

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71 / 11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113722001	Phạm Thị Phương Ngân	15/02/1995	Nữ	8.5	8,3	8.4	7			
2	113722006	Trần Vĩ Khang	13/06/2004	Nam	9.3	5,8	7.6	88			
3	113722011	Trần Lê Thanh Vy	11/07/2004	Nữ							
4	113722016	Dương Thị Anh Thư	26/10/2003	Nữ	8.5	7,3	7.9	10			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT:%; Điểm KT:%

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Lacl Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Lacl

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22YTC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116122002	Nguyễn Thị Vĩnh	Sương	09/06/2004	Nữ	<u>7.8</u>	<u>4,3</u>	<u>6.1</u>	<u>11</u>	<u>[Chữ ký]</u>	
2	116122005	Nguyễn Hữu	Lộc	17/01/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 13 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký] Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành